

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA**

\*\*\*\*\*

**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**  
**QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐỊNH HÓA,**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2045**

**Địa điểm: Huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên**



**Định Hoá, tháng 8 năm 2022**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHIỆM VỤ QUY HOẠCH  
QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐỊNH HÓA,  
TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2045

CHỦ ĐẦU TƯ  
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
LIÊN DANH TƯ VẤN GITAD  
THÀNH VIÊN LIÊN DANH THỨ NHẤT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đăng Toàn

Thái Nguyên, tháng 8 năm 2022

## MỤC LỤC

1.	Mở đầu.....	1
1.1	Tên đồ án .....	1
1.2	Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch .....	1
1.3	Căn cứ lập nhiệm vụ quy hoạch .....	2
1.4	Cơ sở xác định quy mô, phạm vi và ranh giới vùng lập quy hoạch xây dựng 4	
1.4.1	Phạm vi nghiên cứu:.....	4
1.4.2	Phạm vi lập quy hoạch .....	4
1.5	Quan điểm và mục tiêu lập quy hoạch .....	5
1.5.1	Quan điểm lập quy hoạch.....	5
1.5.2	Mục tiêu lập quy hoạch.....	6
1.6	Tính chất vùng .....	8
2.	Khái quát điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển vùng huyện Định Hóa..	8
2.1	Khái quát điều kiện tự nhiên.....	8
2.1.1	Vị trí địa lý .....	8
2.1.2	Địa hình .....	8
2.1.3	Khí hậu .....	9
2.1.4	Thủy văn.....	10
2.1.5	Đất đai – thổ nhưỡng.....	11
2.1.6	Tài nguyên nước.....	13
2.1.7	Tài nguyên rừng .....	13
2.1.8	Tài nguyên khoáng sản.....	13
2.1.9	Tài nguyên nhân văn .....	13
2.2	Thực trạng phát triển và xây dựng vùng huyện Định Hóa.....	14
2.2.1	Thực trạng kinh tế xã hội .....	14
2.2.2	Thực trạng Dân số.....	14
2.2.3	Thực trạng sử dụng đất.....	15
2.2.4	Thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	16
2.2.5	Cơ sở hạ tầng xã hội.....	18
2.2.5.1	Giáo dục và đào tạo.....	18
2.2.5.2	Y tế.....	19
2.2.6	Công tác an ninh - quốc phòng .....	19

2.2.7	Hệ thống đô thị, nông thôn.....	20
2.2.8	Thực trạng môi trường .....	20
2.3	Rà soát đánh giá các dự án quy hoạch, dự án chuyên ngành liên quan .	21
3.	Các chỉ tiêu quy hoạch định hướng phát triển vùng huyện Định Hóa đến năm 2045 .....	22
3.1	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội .....	22
3.1.1	Kinh tế .....	22
3.1.2	Văn hóa – xã hội .....	22
3.1.3	Về du lịch .....	22
3.2	Dự báo quy mô dân số .....	23
3.3	Dự báo nhu cầu sử dụng đất .....	23
3.4	Các chỉ tiêu phát triển kết cấu hạ tầng.....	23
3.5	Bảo vệ môi trường .....	26
4.	Các yêu cầu về nội dung và nhiệm vụ nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng vùng huyện .....	26
4.1	Khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu, dữ liệu phục vụ lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa .....	26
4.2	Phân tích, đánh giá hiện trạng vùng huyện Định Hóa.....	26
4.3	Cơ sở và phương pháp xác định động lực phát triển vùng huyện Định Hóa	26
4.4	Định hướng phát triển không gian vùng lập quy hoạch .....	27
4.5	Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng .....	29
4.5.1	Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội.....	29
4.5.2	Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật .....	29
4.6	Đánh giá môi trường chiến lược.....	33
4.7	Các chương trình, dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện .....	33
4.8	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện .....	34
5.	Hồ sơ sản phẩm và kinh phí thực hiện .....	34
5.1	Hồ sơ sản phẩm .....	34
5.2	Kinh phí thực hiện: .....	35
6.	Tiến độ và tổ chức thực hiện.....	35
6.1	Tiến độ thực hiện .....	35
6.2	Tổ chức thực hiện .....	35

## **1. Mở đầu**

### **1.1 Tên đồ án**

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

### **1.2 Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch**

Định Hóa là một huyện miền núi nằm về phía Tây Bắc của tỉnh Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên 51 km theo Quốc lộ 3, Quốc lộ 3C và Quốc lộ 37; nằm trong tọa độ từ 24<sup>0</sup>05', đến 24<sup>0</sup>40' độ vĩ bắc, từ 185<sup>0</sup>05' đến 185<sup>0</sup>80' độ kinh đông, với tổng diện tích tự nhiên là: 51.377,4 ha. Trên địa bàn huyện có 8 dân tộc anh em cùng chung sống là các dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Hoa, Sán Chay, Ngái, trong đó các dân tộc thiểu số chiếm 63,8% dân số toàn huyện, còn lại là dân tộc Kinh chiếm 36,2 %. Huyện có 22 xã và 01 thị trấn với tổng dân số là 89.991 người. Huyện Định Hóa có tuyến Quốc lộ 3C, đường Hồ Chí Minh kết nối với tỉnh Tuyên Quang và huyện Phú Lương tới thành phố Thái Nguyên; đường tỉnh lộ gồm: Đường ĐT.264, 264B kết nối với huyện Đại Từ, Đường ĐT.263D kết nối với huyện Phú Lương. Đó là những tuyến giao thông quan trọng giúp phát triển và mở rộng phát triển kinh tế - xã hội cho huyện Định Hóa trong giai đoạn sắp tới.

Định Hóa là khu vực có diện tích lúa và diện tích chè lớn nhất tỉnh. Là nơi có khu di tích lịch sử cách mạng ATK, đồng thời cũng là khu vực có nhiều tài nguyên khoáng sản tạo nên nhiều điều kiện để phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ, du lịch, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương, quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh vững chắc; xây dựng Định Hóa giàu mạnh, văn minh.

Đối với công tác quy hoạch trên địa bàn huyện luôn được chú trọng triển khai. Năm 2018, Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thái Nguyên phê duyệt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Định Hóa lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 huyện Định Hóa xác định mục tiêu giai đoạn 2020 - 2025 tập trung huy động các nguồn lực để từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển không gian đô thị, đồng thời với mục tiêu đưa huyện Định Hóa trở thành huyện nông thôn mới trước năm 2025.

Với những lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng giao thông, thế mạnh về một vùng sinh thái, du lịch gắn với di tích lịch sử cách mạng ATK, vùng sản xuất nông lâm nghiệp, đã dần xác định vị trí và vai trò của huyện Định Hóa trong sự

phát triển chung của tỉnh Thái Nguyên. Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp khai thác và phát huy thế mạnh của địa phương, tổ chức, quản lý, khai thác không gian đô thị - nông thôn, không gian phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ - du lịch, sản xuất nông nghiệp,... gắn với việc gìn giữ các giá trị sinh thái và nhân văn của khu vực, đảm bảo phát triển bền vững, lâu dài thì việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa là cần thiết.

### **1.3 Căn cứ lập nhiệm vụ quy hoạch**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 thông qua ngày 21/12/2017 và có hiệu lực từ 01/01/2019 của Quốc hội;
- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
- Quyết định số 536/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2031 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 5203/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cầu - sông Thương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Các Nghị quyết, Quyết định, Nghị định của Chính phủ; các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng về việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch đô thị và các văn bản quy định tiêu chuẩn kỹ thuật;

- Các Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ; các Quyết định các Bộ, UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt các Quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và huyện Định Hóa;
- Quyết định số 664/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 312/QĐUBND ngày 01/3/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Phê duyệt rà soát, bổ sung Quy hoạch thủy lợi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010-2020;
- Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 và Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phân giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hoá thời kỳ 2021-2030;
- Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 và đến năm 2020;
- Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035.
- Quyết định số 4110/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá đến năm 2030;
- Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 28/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Định Hóa lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025;
- Căn cứ văn bản số 4415/ĐA-UBND ngày 09/12/2021 của UBND huyện Định Hoá về việc Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ đề án số 4415/ĐA-UBND ngày 09/12/2021 của UBND huyện Định Hoá về việc Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định 260/QĐ-TTg ngày 27/02/2015 của Thủ tướng chính phủ V/v Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030;

- Căn cứ văn bản số 133/BC-UBND của UBND huyện Định Hoá ngày 05/5/2021 V/v đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020; định hướng phát triển một số ngày, lĩnh vực trên địa bàn huyện Định Hoá phục vụ công tác quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

#### **1.4 Cơ sở xác định quy mô, phạm vi và ranh giới vùng lập quy hoạch xây dựng**

##### **1.4.1 Phạm vi nghiên cứu:**

Phạm vi nghiên cứu gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên, có kết nối với các Thành phố, huyện và các tỉnh xung quanh (Bắc Kạn, Tuyên Quang) trong bối cảnh phát triển tổng thể chung của Tỉnh Thái Nguyên.

##### **1.4.2 Phạm vi lập quy hoạch**

Phạm vi lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính Huyện Định Hóa, diện tích tự nhiên khoảng 51.377,11 km<sup>2</sup>. Trên phạm vi ranh giới hành chính huyện Định Hóa gồm 01 thị trấn và 22 xã.

Định Hoá là huyện miền núi, nằm phía Tây Bắc của tỉnh Thái Nguyên, có tọa độ địa lý: Vĩ độ Bắc từ 24<sup>0</sup>05' đến 24<sup>0</sup>40'. Kinh độ Đông từ 185<sup>0</sup>05' đến 185<sup>0</sup>80'.

Huyện Định Hóa cách thành phố Thái Nguyên 51 km theo quốc lộ 3 và quốc lộ 3C có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn).
- Phía Nam: Giáp huyện Đại Từ và huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên).
- Phía Đông: Giáp huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn).
- Phía Tây: Giáp huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang).

##### **Quy mô lập quy hoạch**

Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch: khoảng 51.377,4 ha (theo Niên giám thống kê tỉnh Huyện Định Hóa năm 2021). Trên phạm vi ranh giới hành chính huyện Định Hóa gồm 01 thị trấn và 22 xã.

##### **Giai đoạn lập quy hoạch:**

Căn cứ Điều 32 của Luật Xây dựng năm 2014 và Điều 8 của Luật Quy hoạch năm 2017, xác định giai đoạn lập quy hoạch như sau

- Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2030.
- Giai đoạn dài hạn: đến năm 2045.





Hình 1 Bản đồ địa giới hành chính huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

## 1.5 Quan điểm và mục tiêu lập quy hoạch

### 1.5.1 Quan điểm lập quy hoạch

- Khai thác hiệu quả các nguồn lực, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ; đồng thời tập trung các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, mở rộng không gian đô thị; nâng cao chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực văn hoá - xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển mở rộng không gian đô thị, các khu dân cư nông thôn.

- Xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới, các xã phải đạt chuẩn nông thôn mới, xây dựng xóm nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện. Chú trọng chất lượng môi trường điểm dân cư nông thôn, làng nghề. Giữ gìn các giá trị văn hóa, bảo tồn di sản làng xã truyền thống.

- Từng bước phát triển du lịch thành một ngành kinh tế quan trọng của huyện, phát triển du lịch gắn với bảo vệ và phát huy giá trị cảnh quan sinh thái, với khu di tích lịch sử cách mạng ATK.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất an toàn, hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực, quy hoạch các vùng cây ăn quả; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung với các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao. Phát triển chăn nuôi đa dạng, theo hướng sản xuất hàng hoá. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế đồi rừng, nâng cao hiệu quả rừng sản xuất. Tăng cường các biện pháp quản lý và bảo vệ rừng.

- Liên kết vùng huyện, vùng tỉnh trong các hoạt động về kinh tế, giao thông, thủy lợi và bảo vệ môi trường. Đặc biệt chú trọng việc đảm bảo môi trường nước sạch lâu dài cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và đời sống người dân.

- Quy hoạch phải gắn kết phù hợp với các chính sách phát triển, các mô hình phát triển mới, thu hút được nguồn lực đầu tư xã hội. Khuyến khích các mô hình phát triển có sự đầu tư tập trung và đồng bộ, tạo nên sản phẩm chủ lực, tránh manh mún, khai thác các tiềm năng tài nguyên có hiệu quả cao. Các giai đoạn phát triển phù hợp theo các kịch bản phát triển kinh tế, xã hội.

### **1.5.2 Mục tiêu lập quy hoạch**

#### *a. Mục tiêu chung*

Cụ thể hóa mục tiêu quy hoạch xây dựng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, từ đó đưa ra những dự báo và định hướng chiến lược nhằm phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh và những đặc thù của huyện.

Đảm bảo thực hiện những quan điểm chủ đạo trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 tầm nhìn 2030, các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh và Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Xác định các động lực phát triển cho huyện, định hướng phát triển kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững nhằm phục vụ quá trình tái cơ cấu nông nghiệp và phục vụ dân sinh. Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, các thế mạnh về công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

Nghiên cứu đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, phát triển dân cư; xây dựng mô hình phát triển không gian vùng huyện; đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa

gắn với tổ chức hệ thống đô thị, xác định tính chất đô thị và lựa chọn mô hình phát triển. Đề xuất phân bố không gian xây dựng các khu du lịch, dịch vụ và hệ thống hạ tầng xã hội và các điểm dân cư nông thôn... trong đó xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

Xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, điểm dân cư nông thôn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội, dịch vụ công nghiệp, nông nghiệp...

Làm cơ sở tổ chức lập các quy hoạch chung xây dựng các thị trấn, các xã; kiểm soát phát triển và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

*b. Mục tiêu cụ thể*

- Đánh giá tổng hợp thực trạng điều kiện tự nhiên và các nguồn lực phát triển vùng về kinh tế, lao động, dân cư, đất đai.

- Rà soát và tích hợp các quy hoạch ngành có liên quan theo Luật Quy hoạch số 35/2017/QH14; Bổ sung và khớp nối với các dự án đã và đang thực hiện; Rà soát và cập nhật các đề án Quy hoạch nông thôn đã được phê duyệt.

- Xác định các tiền đề, các nhu cầu phát triển trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Dự báo các xu hướng, kịch bản và lựa chọn các chỉ tiêu phát triển.

- Đề xuất các định hướng, nguyên tắc phát triển vùng, tạo ra sự phát triển mới, phát triển bền vững; Định hướng phát triển không gian vùng; Đề xuất các phân vùng phát triển kinh tế - dân cư và định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị - nông thôn, hệ thống hạ tầng xã hội, các khu chức năng đặc thù.

- Đề xuất mô hình phát triển các điểm dân cư đô thị, nông thôn gắn với khu di tích lịch sử cách mạng ATK, các cụm công nghiệp và các khu chức năng khác của huyện tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội cho huyện Định Hóa trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật vùng huyện. Có sự kết nối tốt trên địa bàn huyện và với hệ thống hạ tầng chung của thành phố, các huyện lân cận. Bảo vệ môi trường, khắc phục các vấn đề môi trường hiện hữu để thúc đẩy các hoạt động đổi mới sản xuất và dịch vụ.

- Đề xuất các giải pháp trên cơ sở kế thừa, bổ sung các đề án cấp trên và các đề án trong giai đoạn trước; Đề xuất giải pháp quy hoạch phù hợp theo các giai đoạn, lộ trình thực hiện.

## 1.6 Tính chất vùng

- Là khu vực kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội của vùng phía Bắc tỉnh Thái Nguyên.

- Là vùng có tiềm năng về khai thác phát triển du lịch của tỉnh Thái Nguyên, với các loại hình du lịch lịch sử cách mạng, văn hoá tâm linh; du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan thiên nhiên đa dạng, hệ thống di tích và truyền thống lịch sử lâu đời.

- Là khu vực có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng.

## 2. Khái quát điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển vùng huyện Định Hóa

### 2.1 Khái quát điều kiện tự nhiên

#### 2.1.1 Vị trí địa lý

Định Hóa là Huyện miền núi nằm ở phía Tây bắc của tỉnh Thái Nguyên, có tọa độ địa lý: Vĩ độ Bắc từ 24<sup>0</sup>05' đến 24<sup>0</sup>40'; Kinh độ Đông từ 185<sup>0</sup>05' đến 185<sup>0</sup>80'.

Huyện Định Hóa cách thành phố Thái Nguyên 50 km theo quốc lộ 3 và quốc lộ 3C có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn).

- Phía Nam: Giáp huyện Định Hóa và huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên).

- Phía Đông: Giáp huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn).

- Phía Tây: Giáp huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang).

#### 2.1.2 Địa hình

Địa hình đa dạng và phức tạp chủ yếu là vùng núi cao, có độ dốc lớn, địa hình hiểm trở, độ chia cắt mạnh. Những vùng đất tương đối bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ, phân tán dọc theo các khe, ven sông, suối hoặc các thung lũng đá vôi.

Với đặc điểm địa hình thấp dần về phía Nam và quá trình sản xuất, huyện Định Hóa chia thành 3 tiểu vùng:

- Tiểu vùng 1 (vùng phía Bắc gồm 7 xã): Linh Thông, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Tân Thịnh, Bảo Linh, Kim Phượng và Tân Dương, vùng này đặc trưng là núi cao, đất lâm nghiệp chiếm ưu thế do đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở đây phân bố khá phân tán.

- Tiểu vùng 2 (vùng trung tâm gồm 7 xã): Phúc Chu, Thị trấn Chợ Chu, Định Biên, Đồng Thịnh, Bảo Cường, Phượng Tiến, Trung Hội, với địa hình khá bằng phẳng, đất đai màu mỡ, đây là vùng sản xuất lúa trọng điểm của huyện. Vùng này có xen lẫn núi đá vôi.

- Tiểu vùng 3 (vùng phía Nam gồm 9 xã): Thanh Định, Bình Yên, Trung Lương, Diềm Mắc, Phú Tiến, Phú Đình, Sơn Phú, Bộc Nhiêu, Bình Thành, vùng

này chủ yếu là đất đồi gò xen kẽ, là vùng trọng điểm phát triển cây công nghiệp của huyện.

### 2.1.3 Khí hậu

Định Hoá nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu miền núi Bắc Bộ, có hai mùa: Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau; mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10.

- *Về chế độ nhiệt*: Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22,5°C, tổng tích ôn 8.000°C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối là 39,5°C (tháng 6), nhiệt độ tối thấp là 3°C (tháng 1), biên độ ngày đêm khá lớn (> 7°C). Tháng 7 là tháng nóng nhất với nhiệt độ trung bình tháng là 28,7°C, tháng 1 là tháng lạnh nhất với nhiệt độ trung bình là 14,9°C. Số giờ nắng trong năm là 1.628 giờ, năng lượng bức xạ đạt 115 Kcal/cm<sup>2</sup>.

- *Chế độ mưa, ẩm*: Mưa phân bố không đều, mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 9 (chiếm 90% lượng mưa cả năm). Lượng mưa trung bình đạt 1.710 mm/năm, tháng 7 lượng mưa lớn nhất đạt 4.200 mm.

Lượng bốc hơi trung bình trong năm đạt 985,5 mm, tháng 5 có lượng bốc hơi lớn nhất (100 mm), có 3 tháng trong mùa khô, chỉ số ẩm ướt  $k < 0,5$ . Đây là thời kỳ khô gay gắt, nếu không có biện pháp tưới, giữ ẩm... thì ảnh hưởng rất lớn đến năng suất cây trồng.

Với đặc điểm thời tiết của huyện như trên, trong quy hoạch sử dụng đất của huyện, cần lợi dụng chế độ nhiệt cao, độ ẩm khá để bố trí nhiều vụ và hệ thống cây trồng trong năm - nhằm hạn chế rửa trôi, xói mòn trong mùa mưa. Chú ý các hạng mục công trình kiên cố cần tránh các khu vực thường xảy ra ngập lụt, sạt lở.

- *Chế độ gió*: Nằm trong vùng chế độ gió mùa, có hai hướng gió chủ đạo thay đổi theo mùa. Mùa hè chủ yếu có gió thành phần Đông, mùa đông chủ yếu có gió thành phần Bắc. Tốc độ gió trung bình từ 1,5 – 2 m/s. Trong các tháng mưa, thường có gió mạnh, gió giạt làm ảnh hưởng tới cây trồng.



Hình 2 Sơ đồ vị trí huyện Định Hóa

#### 2.1.4 Thủy văn

Huyện Định Hoá có hệ thống sông suối phân bố khá đều trên lãnh thổ với nguồn nước tương đối phong phú. Huyện Định Hoá là nơi bắt nguồn của những nhánh suối và hình thành ba hệ thống sông chính, đó là hệ thống sông Chợ Chu, hệ thống sông Công và hệ thống sông Đu.

Hệ thống sông, hồ và đập nước của huyện khá lớn với trên 100 ao hồ lớn nhỏ, đặc biệt có hồ Bảo Linh có diện tích mặt nước trên 80 ha và khoảng 200 đập thủy lợi nhỏ dâng tưới cho khoảng trên 3.000 ha đất sản xuất nông nghiệp.

+ Hệ thống sông Chợ Chu: Tổng diện tích lưu vực 437 km<sup>2</sup> bắt nguồn từ xã Bảo Linh, Quy Kỳ chảy qua xã Tân Dương, thị trấn Chợ Chu rồi chảy sang huyện Bạch Thông (Tỉnh Bắc Kạn).

+ Hệ thống sông Công: Tổng diện tích lưu vực 128km<sup>2</sup> thuộc địa phận xã Phú Đình chảy qua xã Bình Thành rồi chảy sang huyện Định Hóa.

+ Hệ thống sông Đu: Tổng diện tích lưu vực 70 km<sup>2</sup> thuộc địa phận xã Bộc Nhiêu chảy qua xã Phú Tiến rồi chảy sang huyện Phú Lương.

Ngoài ra còn có các hệ thống hồ, đập nhằm đáp ứng cho sản xuất nông lâm nghiệp.

Do đặc điểm mùa mưa tập trung vào các tháng mùa hè (tháng 6 đến tháng 9), vì vậy lưu lượng dòng chảy cao nhất đạt vào tháng 7, tháng 8; nhỏ nhất vào tháng 3. Tại các vùng núi thấp và trung bình Modul dòng chảy là 20 – 30l/s. Nhìn chung lũ lụt ở địa phương năm nào cũng có nhưng ở mức độ khác nhau. Qua theo dõi cho thấy lũ lụt ở vùng này có quy luật: Cứ theo chu kỳ khoảng 3 đến 5 năm thì 1 năm có lũ lụt ở mức độ trung bình và 8 - 10 năm lại xảy ra lũ lụt lớn gây thiệt hại nhiều cho hoạt động sản xuất và đời sống người dân trên địa bàn huyện.

### 2.1.5 Đất đai – thổ nhưỡng

Theo kết quả điều tra và tổng hợp trên bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/100.000 của tỉnh Thái Nguyên; trên cơ sở đánh giá đất theo FAO-UNESCO huyện Định Hoá có 11 loại đất chính như sau:

- Đất phù sa không được bồi (P): Phân bố chủ yếu ven các sông, địa hình bằng phẳng ( $> 3^{\circ}\text{C}$ ), tầng đất dày ( $> 1\text{m}$ ) tập trung ở các xã: Kim Phượng, Tân Dương, Thị trấn Chợ Chu, Đồng Thịnh, Bảo Cường. Loại đất này đang được trồng lúa là chủ yếu, ngoài ra còn trồng các loại rau màu như ngô, lạc, mía.

- Đất phù sa ngòi suối: Loại đất này phân bố dọc theo các triền suối, các lớp đất chứa nhiều cát khô, sỏi cuội, càng về thượng nguồn tỷ lệ lớn càng tăng và tầng đất càng mỏng, đất phù sa ngòi suối còn bị ảnh hưởng pha trộn cả sản phẩm dốc tụ từ các vùng đồi lân cận đổ xuống. Trên loại đất phù sa ngòi suối hiện nay được sử dụng trồng lúa và các loại hoa màu. Nói chung đây là loại đất tốt, đất thường có thành phần cơ giới nhẹ, có phản ứng chua đến ít chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}: 5 - 5,5$ ), hàm lượng mùn, đạm, lân tổng số từ trung bình đến nghèo. Đất này phân bố trên địa hình bằng phẳng, tập trung ở các xã: Phúc Chu, Diềm Mặc, Phú Tiến, Sơn Phú, Phú Đình, Bình Thành.

- Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D): Đất này chủ yếu dọc theo các khe suối và các thung lũng đá vôi, địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc thường  $< 8^{\circ}$ , tầng đất dày  $> 1\text{m}$ . Loại đất này được hình thành do sự tích tụ của các sản phẩm từ trên địa hình cao rửa trôi đưa xuống, do vậy đất có độ phì tương đối khá, mùn và đạm tổng số từ khá đến giàu, lân tổng số và lân dễ tiêu trung bình, kali tổng số giàu, đất có phản ứng chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}: 4,6 - 5,0$ ). Hiện nay, phần lớn diện tích đã được khai thác sử dụng trồng cây công nghiệp (lạc, ngô, đậu tương, mía...), đất này tích hợp với cây ăn quả đặc sản (cây móc mật). Đất này phân bố ở hầu hết các xã trong huyện.

- Đất nâu đỏ trên đá macma trung tính và bazơ (Fk): Phân bố tập trung ở xã: Linh Thông, Lam Vỹ, Bảo Linh, Trung Hội, Sơn Phú, Bình Thành. Loại đất này phân bố ở độ dốc  $< 25^{\circ}$  chiếm tới 60%, trong đó đất có địa hình tương đối bằng phẳng  $< 8^{\circ} - 15^{\circ}$  chiếm tới khoảng 20%. Nhìn chung loại đất này khá tốt, giàu chất dinh dưỡng, đất có kết cấu xốp, thành phần cơ giới nặng, đất ít chua (

$PH_{KCl}$ : 4,5 – 5,5), đất có tầng dày trung bình < 1m chiếm khoảng 70%, còn lại tầng mỏng < 50 cm chiếm khoảng 30%. Hiện nay loại đất này thích hợp với cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả, ở những nơi có độ cao lớn thường thích hợp với cây lâm nghiệp đặc sản.

- Đất đỏ vàng trên đá phiến sét (Fj): Loại đất này phân bố ở độ dốc < 25°, đất tầng dày khá < 1m. Đất có cấu trúc tối xốp thoát nước tốt, thành phần cơ giới thịt nặng đến sét, hàm lượng mùn đạm tổng số khá, đất chua ( $PH_{KCl}$ : 4,5 - 5). Hiện nay đất này phân bố ở các xã: Quy Kỳ, Tân Thịnh, Tân Dương, Phượng Tiến, Bộc Nhiêu. Loại đất này thích hợp với cây lâm nghiệp.

- Đất đỏ vàng trên đá phiến thạch (Fs): Đây là loại đất phân bố ở hầu hết trên lãnh thổ huyện và thường ở độ dốc > 15°, tầng dày < 1m. Đất này có thành phần cơ giới trung bình đến thịt nặng, ít kết von, kém tối xốp, đất thường chua ( $PH_{KCl}$  < 4,5), hàm lượng mùn đạm tổng số khá, kali tổng số nghèo. Phân bố ở các xã: Linh Thông, Quy Kỳ, Tân Dương, Phượng Tiến, Phú Tiến. Loại đất này thích hợp với cây công nghiệp và cây lâm nghiệp.

- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa): Loại đất này phân bố chủ yếu ở độ dốc 15° – 25°, tầng dày khá < 1m, đất có cấu trúc tối xốp, thoát nước tốt, thành phần cơ giới thịt nặng đến sét, hàm lượng mùn đạm tổng số khá, đất chua ( $PH_{KCl}$ : 4,5 - 5,0). Phân bố tập trung ở xã Linh Thông, Quy Kỳ, Kim Sơn, Kim Phượng, Phúc Chu, thị trấn Chợ Chu, Bảo Cường, Thanh Định, Đồng Thịnh, Phú Tiến, Trung Hội, Sơn Phú, Trung Lương, Bình Yên, Diềm Mặc, Phú Đình. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây như chè, ngô, sắn, vầu, cọ ...

- Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq): Loại đất này có thành phần cơ giới nhẹ từ cát pha đến thịt nhẹ ( sét vật lý < 15%), đất cứng chặt, không có kết cấu, cấu trúc tương đối rời rạc, giữ ẩm kém, nghèo dinh dưỡng, đất chua ( $PH_{KCl}$ : 4 - 4,5), phân bố ở hầu hết độ dốc > 25°, chiếm 60%, từ 15° - 25°, chiếm khoảng 40%, phân bố tập trung ở xã Bảo Linh, Thanh Định, Định Biên, Bình Thành.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp): Loại đất này phân bố rải rác ở các xã trong huyện và thường có độ dốc 8° - 15°, tầng đất mỏng < 1m, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình ( sét vật lý từ 20 - 30%), đất có phản ứng chua ( $PH_{KCl}$ : 4 - 4,5), hàm lượng chất dinh dưỡng trung bình đến nghèo. Đất này thích hợp với cây công nghiệp ngắn ngày, cây đậu đỗ... Phân bố ở các xã Tân Thịnh, Kim Phượng, Trung Hội, Phú Tiến, Đồng Thịnh, Thanh Định, Định Biên.

- Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước (Fl): Phân bố ở xã Bình Yên, Thanh Định, Sơn Phú, Phú Đình, Bình Thành.

- Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit (Ha): Loại đất này có cấu trúc tối xốp, thoát nước tốt, tầng dày khá > 1m, thường phân bố ở độ dốc 15° - 25°, hàm lượng dinh dưỡng khá, đất chua ( $PH_{KCl}$ : 4,5 - 5,5). Phân bố ở xã Phú Đình.



### **2.1.6 Tài nguyên nước**

Huyện Định Hoá có nguồn nước mặt khá phong phú, với 3 hệ thống sông chính là hệ thống sông Chợ Chu, hệ thống sông Công và hệ thống sông Đu.

- Hệ thống sông hồ và đập nước: Huyện có hơn 100 ao, hồ lớn nhỏ, đặc biệt có hồ Bảo Linh diện tích mặt nước khoảng trên 80 ha và có khoảng 153 đập lớn, nhỏ dâng tưới cho khoảng 3.500 ha.

- Nguồn nước ngầm cũng rất dồi dào và có chất lượng tốt, đảm bảo nguồn nước cho sinh hoạt và cho sản xuất.

### **2.1.7 Tài nguyên rừng**

năm 2020, tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 35.582,50 ha, chiếm 69,26% tổng diện tích tự nhiên của huyện, trong đó, rừng sản xuất có 21.123,30 ha, rừng phòng hộ 9.039,30 ha và rừng đặc dụng có 5.420,10 ha. Thực vật rừng tự nhiên ở Định Hóa hiện nay có tỷ lệ che phủ khá, tuy nhiên không còn rừng giàu, rừng trung bình còn ít ở những vùng cao vùng xa. Rừng hiện tại chủ yếu là rừng mới khoanh nuôi và rừng nghèo có trữ lượng 40 - 50 m<sup>3</sup>/ha, các loại gỗ từ nhóm 1 đến nhóm 4 còn ít, đa phần là các loại cây gỗ từ nhóm 6 đến nhóm 8, các loại khác như vầu, nứa... với trữ lượng nhỏ.

Rừng tự nhiên thường gặp là kiểu rừng nhiệt đới. Vùng núi đá vôi có các loại cây thân gỗ lá nhỏ. Rừng trồng phần lớn vẫn là keo, bạch đàn, mỡ...

### **2.1.8 Tài nguyên khoáng sản**

Định Hóa là một huyện nằm trong vùng sinh khoáng Định Hóa - Phú Lương - Chợ Đồn, nên có thể có nhiều mỏ quặng nhỏ phân tán thuộc nhóm khoáng sản kim loại, phi kim (Eyrít, photphorit, Graphit), vật liệu xây dựng.

Hiện tại trên địa bàn huyện mới chỉ khai thác đá vôi để sản xuất vật liệu xây dựng và cát sỏi để phục vụ xây dựng cho địa phương.

### **2.1.9 Tài nguyên nhân văn**

Định Hóa là địa bàn sinh sống của 8 dân tộc anh em, trong đó: Dân tộc Kinh chiếm 36,2%; dân tộc Tày chiếm 46,05%; dân tộc Nùng chiếm 3,27%; dân tộc Dao chiếm 1,9%; dân tộc Sán Chay chiếm 7,5%; dân tộc Hoa chiếm 1,4% và một số dân tộc khác chiếm 0,5%. Trên địa bàn huyện có nhiều dân tộc cùng sinh sống mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng.

Những năm kháng chiến, các cơ quan Trung ương, quân đội và nhân dân khắp nơi tản cư về Định Hóa tạo nên sự giao thoa văn hóa độc đáo giữa các dân tộc. Cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, gần 70 năm đã qua đi, nhưng những kỷ niệm của những năm kháng chiến gian khổ cùng ăn cùng ở với đồng bào, Định Hóa trở thành nơi gắn bó, thân quen với nhiều cán bộ và đồng bào cả nước. Nhiều di sản văn hóa của Định Hóa đã trở nên nổi tiếng như nhà sàn Định Hóa hiện nay được trưng bày tại Bảo tàng dân tộc học, nghệ thuật múa rối Tày Thảm Rộc (Bình Yên) được cử đi tham dự liên hoan nghệ thuật múa rối dân tộc quốc tế (tổ chức tại bảo tàng dân tộc học); lễ hội Lồng Tồng được duy trì và

tổ chức vào đầu xuân hàng năm; cùng với các văn hóa phi vật thể khác nhau như các làn điệu sli, lượn, then, dân ca, dân vũ và những phong tục, những sản vật và món ăn độc đáo của các dân tộc đặc trưng cho vùng Việt Bắc là những tiềm năng du lịch của địa phương.... được đông đảo du khách thập phương lựa chọn.

## 2.2 Thực trạng phát triển và xây dựng vùng huyện Định Hóa

### 2.2.1 Thực trạng kinh tế xã hội

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá hiện hành) đến năm 2020 đạt 1.925.000 triệu đồng, tăng 78,35% so với năm 2015.

Giá trị sản xuất Công nghiệp - TTCN năm 2020 (theo giá hiện hành) đạt 325.000 triệu đồng, tăng 81,56% so với năm 2015.

Giá trị tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2020 đạt 800.000 triệu đồng, tăng 76,76% so với năm 2015.

Kinh tế tăng trưởng nhanh, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 25 triệu đồng năm 2015 lên 43,8 triệu đồng năm 2020.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực chủ yếu nhờ tăng trưởng mạnh của khu vực thương mại và dịch vụ.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng Thương mại, dịch vụ, công nghiệp, xây dựng giảm dần Nông lâm nghiệp, thủy sản.

Nhìn chung, sản xuất tiêu thủ công nghiệp địa phương đa dạng hơn về ngành nghề, quy mô sản xuất và phát triển ổn định. Hoạt động thương mại, dịch vụ được mở rộng, đáp ứng yêu cầu sản xuất và phục vụ tốt đời sống nhân dân. Kinh tế du lịch bước đầu được hình thành tạo thêm việc làm và nâng cao giá trị ngành dịch vụ của huyện, đặc biệt là khu di tích lịch sử cách mạng ATK. Nông nghiệp phát triển theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh của địa phương.

### 2.2.2 Thực trạng Dân số

Theo thống kê đến năm 2021, dân số huyện Định Hóa là 90.825 người với 23 đơn vị hành chính: bao gồm 01 thị trấn và 22 xã. Thống kê cụ thể trong bảng sau đây:

Bảng 1: Thống kê hiện trạng đơn vị hành chính, dân số huyện Định Hóa năm 2021

Đơn vị	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số trung bình (Người)	Mật độ dân số (Người/km <sup>2</sup> )
<b>TỔNG SỐ - TOTAL</b>	<b>513,8</b>	<b>90.825</b>	<b>177</b>
Linh Thông	27,93	2.637	94
Lam Vỹ	43,50	3.742	86
Quy Kỳ	55,94	4.208	75

Đơn vị	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số trung bình (Người)	Mật độ dân số (Người/km <sup>2</sup> )
Tân Thịnh	59,94	4.090	68
Kim Phượng	22,67	4.892	216
Bảo Linh	27,88	2.075	74
Phúc Chu	12,90	2.653	206
Tân Dương	22,02	3.079	140
TT Chợ Chu	4,44	6.695	1,509
Phượng Tiến	20,74	3.529	170
Bảo Cường	9,55	4.064	425
Đồng Thịnh	12,53	4.225	337
Định biên	7,61	2.716	357
Thanh Định	19,25	3.611	188
Trung Hội	12,69	4.744	374
Trung Lương	13,53	3.830	283
Bình yên	7,97	3.458	434
Phú Tiến	14,61	3.206	219
Điềm mạc	16,76	4.161	248
Bộc nhiều	26,91	3.897	145
Sơn Phú	14,85	5.006	337
Phú Đình	31,13	5.813	187
Bình Thành	28,45	4.494	158

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Định Hóa năm 2021)

Về lao động và việc làm, đến hết năm 2020 số lao động được tạo việc làm mới là 42.900 người, chiếm 62,7% dân số; Số lao động được giải quyết việc làm mới hàng năm tăng, tỷ lệ lao động trong độ tuổi chưa có việc làm ở khu vực thành thị chiếm 3,8%, tỷ lệ thời gian sử dụng lao động của lực lượng lao động trong độ tuổi ở nông thôn là 85,6%. Mỗi năm có khoảng 2.000 lao động được giải quyết việc làm mới.

### 2.2.3 Thực trạng sử dụng đất

Tổng diện tích đất tự nhiên là 51.377,4 ha, trong đó

Đất nông nghiệp:	48.107,7 ha	chiếm	93,6%
Đất phi nông nghiệp:	3.12,9 ha	chiếm	6,1 %
Đất chưa sử dụng:	179,9 ha	chiếm	0,3%

#### 2.2.4 Thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

##### a. Giao thông

Huyện Định Hóa có hệ thống đường bộ nối với tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Bắc Kạn. Trên địa bàn huyện Định Hóa đang quản lý 1059,57 km đường giao thông các loại, trong đó có 133km đường huyện lộ; 7,5km đường đô thị; 410,91km đường xã, liên thôn xóm, 281,73km đường nội thôn và 238,38 nội đồng. Đường huyện và đường đô thị 100% đã được nhựa hoá; đường xã, liên thôn, xóm tỷ lệ cứng hoá bằng BTXM đạt 71,2%; Đường nội thôn và nội đồng cứng hóa đạt 52,4%.

Các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ không thuộc mạng lưới GTNT của huyện, do Sở giao thông vận tải Thái Nguyên và Hạt quản lý đường bộ thuộc Bộ giao thông vận tải quản lý với tổng chiều dài 59km đường Quốc lộ; 34 km đường tỉnh lộ. Các tuyến đường thường xuyên quản lý và bảo trì nền mặt đường tốt.

Cụ thể :

- Hệ thống đường Quốc lộ :

+ Quốc lộ 3C: Chiều dài 33km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi,

+ Đường Hồ Chí Minh: Tổng chiều dài 26km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi,( Hiện nay mới thực hiện GĐI với tổng chiều dài 11Km, còn 15 Km chưa thực hiện)

- Hệ thống đường tỉnh lộ :

+ Đường tỉnh lộ ĐT264 :Chiều dài 18 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

+ Đường tỉnh lộ ĐT264b :Chiều dài 16km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

Hệ thống đường GTNT huyện phân bố tương đối hợp lý, được kết nối với đường quốc gia, đường tỉnh tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn, hợp lý, thông suốt. Bao gồm các trục dọc từ Đông sang Tây và các trục ngang từ Bắc xuống Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông trong huyện, giữa huyện Định Hóa với các huyện khác của tỉnh Thái Nguyên và với các huyện, các tỉnh liền kề góp phần xóa dần sự ngăn cách giữa nông thôn và thành thị, đáp ứng nhu cầu GTNT của các phương tiện vận tải đường bộ.

- Hệ thống đường huyện : có 18 tuyến đường, về cơ bản đã được lát nhựa và bê tông nhựa, đáp ứng được nhu cầu giao thông của nhân dân.

Các tuyến đường huyện đóng vai trò kết nối các trung tâm phát triển, các khu, các cụm công nghiệp hoặc khu đô thị, khu dân cư với thị trấn huyện lỵ và hệ thống giao thông đối ngoại. Tiêu chuẩn kỹ thuật chung của đường huyện, cơ bản được xây dựng theo tiêu chuẩn giao thông đường bộ, với cấp kỹ thuật đạt cấp V và cấp VI, GTNT loại A; chiều rộng nền, mặt đường không đồng đều; bề rộng nền đường từ 5m – 7,5m và mặt đường cơ bản đạt rộng 3,5-5,5m.

- Đường xã và đường thôn, xóm: Là tuyến đường chạy xuyên suốt làng, xã. Đường nối từ cổng làng đến đường cấp huyện hay tỉnh lộ. Từ con đường xương sống này, các đường ngõ xóm được đầu nối vào như những xương cá hình thành mạng lưới đường ngõ xóm. Ngày nay nhiều hộ nông dân đã mua được ô tô vận tải để chuyên chở hàng hóa nông sản. Với sự phát triển củ CNH – HĐH nông thôn, ô tô và máy phục vụ nông nghiệp đã trở thành phổ biến.

Với tổng chiều dài 681,73 km và nhiều tuyến đường gồm cả đường xã với đường thôn, xóm

Trạng thái kỹ thuật chung của trục đường trục xã là được xây dựng chủ yếu theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B với chiều rộng nền, mặt đường không đồng đều, bề rộng nền đường cơ bản đạt trung bình 3-4,0 m. Mặt đường rộng từ 2,5-3,0 m

Đường thôn, xóm về cơ bản hiện chưa đạt các thông số kỹ thuật của đường nông thôn loại B với bề mặt nền đường tối thiểu là 4 m. Mặt đường rộng là 3m.

+ Đường nội đồng : (Đường sản xuất) có tổng chiều dài 283,38 km, đã cứng hóa được 84,74Km, hầu hết là loại C với bề rộng nền đường là 2,0 - 3,0 m và mặt đường là 2 – 2,5 m, còn lại là là đường đất rộng 0,5-1,5m.

#### *b. Hệ thống thủy lợi*

Do đặc điểm điều kiện tự nhiên và địa hình chia cắt, đồi núi dốc, ruộng bậc thang nên các công trình thủy lợi của huyện chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ.

Toàn huyện có 181 công trình thủy lợi cấp huyện quản lý; trong đó có 32 hồ và 131 đập nhỏ và 18 trạm bơm nhỏ.

Tổng chiều dài kênh mương cấp 1, 2 là 118,1 km và mương cấp 3, nội đồng trên 242,9 km đảm bảo phục vụ tưới tiêu cho diện tích đất canh tác. Tổng chiều dài kênh mương được kiên cố hóa khoảng 220 km.

Hệ thống tiêu: Bao gồm hai con sông chảy qua các xã (Bảo Linh, Định Biên, Bảo Cường, Thị trấn Chợ Chu).

#### *c. Mạng lưới điện*

Huyện có 1 trạm biến áp trung gian và 226 trạm biến tại các xã (tổng dung lượng 10.210 KVA), chiều dài đường dây trung thế trên không dài 253,2km, đường dây hạ thế là 586 km. Tỷ lệ hộ sử dụng điện của huyện chiếm gần 100%.

#### *d. Hệ thống thông tin liên lạc*

Hệ thống thông tin liên lạc và viễn thông của huyện khá hoàn chỉnh. Đến nay, mạng điện thoại cố định, điện thoại di động phủ gần 100% xã, thị trấn. Do đó, đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc thuận lợi, phục vụ nhu cầu sản xuất và dân sinh của cộng đồng dân cư trong huyện. Hầu hết tại các xã đều có điểm bưu điện văn hoá xã. Ngoài mạng lưới bưu điện, truyền hình, đài phát thanh của huyện, các xã còn có hệ thống loa truyền thanh là phương tiện quan trọng cung cấp các thông tin cho nhân dân đặc biệt là đồng bào vùng sâu vùng xa trên địa bàn huyện.

### **2.2.5 Cơ sở hạ tầng xã hội**

#### **2.2.5.1 Giáo dục và đào tạo**

Công tác giáo dục - đào tạo tiếp tục có những bước phát triển tích cực, các chương trình, các cuộc vận động trong ngành giáo dục tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, tạo nên những chuyển biến tích cực trong chất lượng dạy và học. Năm học 2019 - 2020, năm học 2020 - 2021, các hoạt động thi đua của ngành được quan tâm triển khai ở các cấp học.

##### **a. Giáo dục mầm non:**

Toàn huyện có 23 trường mầm non công lập; 229 nhóm lớp trong đó nhóm trẻ 52 lớp mẫu giáo 177 lớp. (MG 3 tuổi: 59, MG 4 tuổi: 57, MG 5 tuổi: 61);

Tỷ lệ huy động trẻ đến trường: 6221/925 đạt 69,0%

Trong đó:

- Tổng số trẻ mẫu giáo ra lớp: 4915/5312 đạt 92,52%
- Tổng số trẻ nhà trẻ ra lớp: 4915/5312 đạt 92,25%
- Trong đó trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100% (trẻ học trong huyện: 1736/1874 đạt 92,64%; trẻ học ngoài huyện: 138 cháu chiếm 7,36%. 100% trẻ 5 tuổi đi ra lớp ngay từ đầu năm học, được học chương trình GDMN, được chuẩn bị tốt tâm thế khi vào học lớp 1 ở trường tiểu học.

##### **b. Giáo dục tiểu học:**

Toàn huyện có 22 trường tiểu học công lập; có 369 lớp với 8330 học sinh

(trong đó: khối 1: 77 lớp 1735 học sinh; khối 2: 78 lớp 1756 học sinh; khối 3: 78 lớp 1869 học sinh; khối 4: 70 lớp 1528 học sinh; khối 5: 66 lớp 1442 học sinh). Duy trì sĩ số đạt 100%.

- Học sinh 6 tuổi ra lớp 1: 1.735/1.735, tỉ lệ 100%.
- Học sinh học 2 buổi/ngày: 369 lớp, 8330/8330 học sinh (đạt 100%)
- Học sinh bỏ học: 01
- Học sinh hòa nhập tại các lớp học tiểu học trên địa bàn huyện: 164;
- Học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 1440/1442 đạt 99,9%

- Học sinh lớp 1,2,3,4,5 hoàn thành chương trình lớp học: 8289/8330 đạt 99,5%

*c. Giáo dục THCS*

- Tổng số: 24 trường công lập (trong đó có 01 trường Dân tộc nội trú, 01 trường

### *2.2.5.2 Y tế*

Mạng lưới y tế huyện gồm 01 Bệnh viện đa khoa (hạng 2), 01 Trung tâm Y tế (hạng 2), 23 trạm y tế xã, thị trấn; đội ngũ y, bác sỹ tiếp tục được đào tạo, bổ sung, đến nay huyện đạt tỷ lệ 6,8 bác sỹ, 14,6 điều dưỡng, 20 giường bệnh/10.000 dân; 23/23 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt 98,28%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 95%.

*c. Văn hoá, thông tin, thể dục thể thao*

Đến năm 2020, toàn huyện có 05 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 56/182 điểm di tích được xếp hạng trong đó 28 di tích xếp hạng quốc gia, 28 di tích cấp tỉnh. Đến năm 2020: Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt trên 85%; tỷ lệ xóm, tổ dân phố văn hóa đạt trên 70%; Tỷ lệ cơ quan văn hóa đạt trên 95%.

Các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở tiếp tục được xây dựng, nâng cấp; công tác truyền thanh, truyền hình được quan tâm đầu tư từng bước thích ứng với công nghệ số; chất lượng các tin bài, phóng sự... không ngừng được nâng lên, xây dựng chuyên trang của huyện phát sóng trên Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Toàn huyện có 65 câu lạc bộ thể thao, 30 sân bóng đơn giản, 150 sân cầu lông, bóng chuyền, 01 nhà thi đấu và tập luyện thể dục thể thao. Với việc đưa vào sử dụng Trung tâm văn hóa thể thao huyện đảm bảo các hoạt động lớn về văn hóa thể thao. Các hoạt động TDTT tiếp tục được duy trì và phát triển rộng khắp trên địa bàn huyện; hoạt động thông tin tuyên truyền có những chuyển biến tích cực, phản ánh kịp thời phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

### *2.2.6 Công tác an ninh - quốc phòng*

Công tác quốc phòng luôn được ổn định và giữ vững: sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, huấn luyện, động viên tuyển quân - đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Công tác tuyển quân hàng năm đảm bảo yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Tổ chức diễn tập trị an và diễn tập phòng thủ đảm bảo an toàn và kết hợp tốt giữa nhiệm vụ quốc phòng với kinh tế, an ninh.

## 2.2.7 Hệ thống đô thị, nông thôn

### a. Thực trạng phát triển đô thị

Hiện huyện có 1 đô thị là Thị trấn Chợ Chu, là trung tâm kinh tế - văn hoá và cũng là địa bàn xây dựng trụ sở chính của huyện. Trong những năm gần đây, tốc độ xây dựng nhà ở, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng,... tăng khá nhanh. Thị trấn Chợ Chu đã có quy hoạch chung được phê duyệt, năm 2018 thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu đến năm 2030 và được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt.

Tổng diện tích đất đô thị của thị trấn là 4,44 km<sup>2</sup>, tổng dân số đô thị là 6.611 người, mật độ dân số 1.490 người/km<sup>2</sup>, bình quân đất ở đô thị là 68 m<sup>2</sup>/người.

### b. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Toàn huyện có 22 xã với 3.807,48 ha đất khu dân cư nông thôn. Dân số nông thôn chiếm 92,65% tổng dân số của huyện với 83.300 người phân bố ở 228 xóm, tổ dân phố. Tổng diện tích đất ở nông thôn là 893,0 ha. Bình quân đất ở nông thôn là 107,9 m<sup>2</sup>/người.

Sự phân bố dân cư theo cộng đồng tại các thôn, xóm gần các trục đường giao thông, nguồn nước, địa bàn sản xuất thuận tiện cho sinh hoạt và sản xuất. Tuy nhiên, phân bố dân cư không đồng đều, dân số tập trung đông tại các trung tâm xã và ven các trục đường giao thông lớn, dân số thưa tại các thôn, xóm xa trung tâm xã. Kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm xá trong thời gian qua được đầu tư cải thiện đáng kể.

Đến năm 2020, huyện có 10/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

## 2.2.8 Thực trạng môi trường

### a. Môi trường đất

Chất lượng môi trường đất ít nhiều bị tác động và có chiều hướng suy giảm, nguyên nhân chủ yếu từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, sử dụng không hợp lý thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và hoạt động dịch vụ. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến ô nhiễm môi trường đất:

- Thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học sử dụng không đúng quy cách, bao bì, vỏ chai vứt vữa bãi trên đồng ruộng; phân chuồng từ chăn nuôi xả trực tiếp ra môi trường, nhiều nơi còn sử dụng nước thải ra không qua xử lý để tưới.

- Do các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và sinh hoạt là nguồn gây ô nhiễm đất một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Đặc điểm địa hình là miền núi nên các hiện tượng rửa trôi, sạt lở do mưa lũ, xói mòn đất cũng làm thay đổi hệ sinh thái trong môi trường đất, làm thoái hóa đất, suy thoái, ô nhiễm môi trường đất.



*b. Môi trường nước*

Huyện có 2 hệ thống sông chính: Hệ thống sông Chợ Chu và hệ thống sông Công, đây là nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đồng thời đây cũng là nguồn tiếp nhận nước thải từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt.

Về tình trạng ô nhiễm nước ở nông thôn và sản xuất nông nghiệp, có 92,69% dân số đang sinh sống ở nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, phần lớn các chất thải của con người và gia súc không được xử lý nên thấm xuống đất hoặc bị rửa trôi, làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao.

*c. Môi trường không khí*

Ô nhiễm môi trường không khí do ảnh hưởng của giao thông, đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện chưa nghiêm trọng.

### **2.3 Rà soát đánh giá các dự án quy hoạch, dự án chuyên ngành liên quan**

Dự thảo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã, thị trấn huyện Định Hóa;

Các dự án đầu tư xây dựng, các đề án quy hoạch, các tài liệu, văn bản và số liệu điều tra có liên quan;

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội năm 2020 – Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2021 của huyện Định Hóa;

Các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch liên quan và các dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp, các khu khai thác chế biến khoáng sản; các khu di tích lịch sử, văn hóa, các khu du lịch v.v...;

Các quy hoạch, dự án giao thông đã và đang triển khai trên địa bàn huyện Định Hóa và tỉnh Thái Nguyên;

Các dự án, quy hoạch và các tài liệu, số liệu liên quan của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Định Hóa có liên quan đến khu vực lập quy hoạch;

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành;

Các hồ sơ tài liệu khác có liên quan.

### **3. Các chỉ tiêu quy hoạch định hướng phát triển vùng huyện Định Hóa đến năm 2045**

#### **3.1 Định hướng phát triển kinh tế - xã hội**

##### **3.1.1 Kinh tế**

Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu tăng bình quân 8%/ năm;

Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 4%/năm trở lên;

Giá trị sản phẩm/01 ha đất nông nghiệp trồng trọt năm 2025 đạt 128 triệu đồng;

Sản lượng lương thực bình quân đạt 67.900 tấn/năm;

Sản lượng chè búp tươi năm 2025 đạt 77.400 tấn.

Thu ngân sách nhà nước trong cân đối (không bao gồm thu cấp quyền sử dụng đất) tăng bình quân 10%/năm;

Giá trị sản xuất Công nghiệp tăng bình quân 9%/năm trở lên;

Phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

Đến năm 2025 TT Chợ Chu đạt đô thị loại IV

Đến năm 2025 Trung Hội đạt đô thị loại V (ĐTM)

##### **3.1.2 Văn hóa – xã hội**

Duy trì 100% trường học đạt chuẩn quốc gia;

Duy trì 100% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế;

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2025 đạt 98,5% trở lên.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,2%/năm theo chỉ tiêu mới.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 đạt trên 70%, trong đó tỷ lệ có văn bằng chứng chỉ đạt trên 30%.

Năm 2025 có trên 90% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 86% số xóm, tổ dân phố đạt khu dân cư văn hóa; 95% cơ quan đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá.

##### **3.1.3 Về du lịch**

- Tầm nhìn đến năm 2045 đón 2,0 triệu lượt khách/năm.
- Đến năm 2045 phải hình thành các điểm du lịch cộng đồng gắn với lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, tâm linh, sinh thái, nghỉ dưỡng tại các điểm như Bản Quyên xã Điềm Mặc; tại Phú Ninh, Khuôn Tát xã phú Bình; tại Di tích nhà tù Chợ Chu – Chùa Hang – Hồ Bảo Linh, Thâm Bầy xã Quy Kỳ.

- Thu hút đầu tư nhằm đạt được từ 50~70 cơ sở lưu trú du lịch công suất đón 2.000 ~ 3.000 khách/ngày đêm.
- Mức chi tiêu trung bình của khách du lịch đạt dự kiến đạt 800.000~1.000.000 đồng/ngày.

### 3.2 Dự báo quy mô dân số

- Quy mô dân số hiện trạng năm 2021: 90.825 người trong đó:
  - \* Dân số đô thị: 6.695 người (Thị trấn Chợ Chu)
  - \* Dân số nông thôn: 84.130 người
- Quy mô dân số dự báo đến năm 2030: khoảng 93.191 người, trong đó:
  - \* Dân số đô thị: 19.451 người.
  - \* Dân số nông thôn: 73.740 người.
- Quy mô dân số dự báo đến năm 2040: khoảng 96.986 người, trong đó:
  - \* Dân số đô thị : 26.000 người.
  - \* Dân số nông thôn: 70.667 người.

Quy mô dân số tạm tính ở giai đoạn lập nhiệm vụ (tỉ lệ tăng dân số bình quân của cả huyện giai đoạn 2021-2040 là 0,4 %/năm), trong quá trình lập quy hoạch có thể thay đổi.

### 3.3 Dự báo nhu cầu sử dụng đất

Lựa chọn các chỉ tiêu về sử dụng đất theo từng giai đoạn cho khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu vực đặc thù trên cơ sở tính toán, xác định cụ thể theo luận cứ và tham khảo, cập nhật số liệu của các quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị, nông thôn, công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp... theo các giai đoạn lập quy hoạch.

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị toàn huyện được dự báo dựa trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất năm 2020, số liệu thống kê huyện Định Hóa năm 2020 và quy mô diện tích đất xây dựng đô thị của các đồ án quy hoạch xây dựng.

Đề xuất dự báo quy mô đất theo các mục đích sử dụng khác nhau trên cơ sở hướng tới sự phát triển bền vững.

### 3.4 Các chỉ tiêu phát triển kết cấu hạ tầng

Xác định một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án như chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế- về xã hội, về môi trường, về hạ tầng kỹ thuật... đảm bảo phù hợp với các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển của khu vực.

Bảng 2: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021-2030	Giai đoạn 2031-2040
2	Tỷ lệ đô thị hoá	%	14,02	26,9
3	Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn huyện	m <sup>2</sup> /người	40 - 80	
4	Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội	Khu vực ngoài phạm vi phát triển đô thị, áp dụng chỉ tiêu đối với khu vực dự kiến thành lập quận, phường theo Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13		
5	Chỉ tiêu nhà ở trung bình	m <sup>2</sup> sàn/người	28 - 45	28 - 45
6	Chỉ tiêu cấp điện			
	Sinh hoạt			
	- Các đô thị	KW/người	400	1000
	- Các điểm dân cư nông thôn	KW/người	200	400
	Công nghiệp	kw/ha	50 - 250	50 - 250
	Công cộng - Dịch vụ	kw/ha	30% điện sinh hoạt	30% điện sinh hoạt
7	Chỉ tiêu cấp nước			
	100% dân số được cấp nước Sinh hoạt (Qsh)			
	- Các đô thị	lít/người/ngày đêm	120	140
	- Các điểm dân cư nông thôn	lít/người/ngày đêm	100	110
	Công nghiệp tập trung	m <sup>3</sup> /ha.ngày đêm	>20	>20
	Công cộng, dịch vụ	%Qsh	10	10
	Tưới cây, rửa đường	%Qsh	10	10

8	Chỉ tiêu thông tin liên lạc			
	Dân số được phủ sóng di động bằng thông rộng	%	100	100
	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định	%	95	
	Tỷ lệ xã có điểm bưu chính có người phục vụ	%	100	100
9	Chỉ tiêu thải nước			
	(Thu gom > 80% nước thải SH, 100% nước thải công nghiệp)			
	Sinh hoạt (Qsh)		120	140
	- Các đô thị	lít/người.ngđ	100	110
	- Các điểm dân cư nông thôn	lít/người.ngđ	> 20	> 20
	Công nghiệp	m3/ha.ngđ	10	10
	Công cộng, dịch vụ	% Qsh	120	140
10	Chỉ tiêu CTR			
	Sinh hoạt (Qsh)			
	- Các đô thị (tỷ lệ thu gom > 85%)	kg/người.ngày	1	1,3
	- Các điểm dân cư nông thôn (tỷ lệ thu gom > 80%)	kg/người.ngày	0,7	0,9
	Công nghiệp	Tấn/Ha.ngđ	0,2	0,2
11	Chỉ tiêu nghĩa trang	Ha/1.000 dân	0,06	0,06
12	Chỉ tiêu cây xanh đô thị	m2/người		
	- Các đô thị	m2/người	> 5	> 5
	- Các điểm dân cư nông thôn	m2/người	> 2	> 2
13	Chỉ tiêu đất giao thông			

- Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	16 -18	16 -26
--	---	--------	--------

(Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tạm đề xuất ở giai đoạn lập nhiệm vụ, có thể điều chỉnh trong quá trình lập quy hoạch)

### 3.5 Bảo vệ môi trường

- Quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai và chủ động thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý đất đai, quản lý xây dựng.

## 4. Các yêu cầu về nội dung và nhiệm vụ nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng vùng huyện

### 4.1 Khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu, dữ liệu phục vụ lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa

- Thu thập các tài liệu điều tra và đánh giá về điều kiện tự nhiên, về dân số và lao động, về hiện trạng kinh tế xã hội, hiện trạng về đất đai xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, môi trường.

- Rà soát cụ thể diện tích đất lúa trong phạm vi lập quy hoạch; rà soát diện tích, hiện trạng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất;

- Rà soát đánh giá hiện trạng các công trình thủy lợi: hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm, kênh mương kiên cố, cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung,...trên địa bàn huyện.

- Đánh giá các vùng tự nhiên có tiềm năng phát triển kinh tế.

- Một số đánh giá khái quát về môi trường tự nhiên.

### 4.2 Phân tích, đánh giá hiện trạng vùng huyện Định Hóa

- Vị trí và giới hạn huyện Định Hóa;

- Nêu đặc điểm của các yếu tố tự nhiên: Địa hình; Khí hậu; Thủy văn; Thổ nhưỡng; Khoáng sản.

- Đánh giá chung về yếu tố hiện trạng tự nhiên. Nêu được những vấn đề đang là những thách thức như yếu tố địa hình, thủy văn tại các khu vực trên địa bàn huyện. Các vấn đề liên quan đến các yếu tố tự nhiên của khu vực huyện lân cận. Các yếu tố thời tiết, khí hậu bất thường gần đây.

### 4.3 Cơ sở và phương pháp xác định động lực phát triển vùng huyện Định Hóa

Nghiên cứu và dự báo phát triển kinh tế xã hội, xác định động lực phát triển vùng huyện:

- Các quan hệ nội ngoại vùng:

+ Động lực từ tiềm năng về vị trí, các xu hướng phát triển của Tỉnh Thái Nguyên, Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, mối quan hệ với khu di tích lịch sử cách mạng ATK và các dự án lớn trong vùng: Phân tích tỉnh Thái nguyên với quan hệ về thị trường lao động, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, phát triển đô thị tại Định Hóa;

+ Về giao thông: Tiềm năng từ hệ thống giao thông liên kết vùng huyện, với Thái Nguyên và các huyện, tỉnh lân cận.

+ Về con người, yếu tố lịch sử văn hóa, khoa học- công nghệ, tác động đô thị hóa.

+ Các dự án lớn của các ngành, các dự án phát triển khu đô thị, công nghiệp tại các khu vực lân cận;

+ Động lực từ tiềm năng đất đai, tài nguyên tự nhiên để phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tiềm năng từ các yếu tố sông, hồ, cảnh quan, môi trường, sinh thái để phát triển kinh tế xanh, bền vững.

- Các cơ sở kinh tế - kỹ thuật tạo thị và phát triển điểm dân cư nông thôn:

+ Các chiến lược, chương trình phát triển kinh tế xã hội của huyện Định Hóa

+ Định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế và phân bố dân cư theo các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện.

+ Các chương trình, kế hoạch phát triển của các ngành Trung ương, địa phương trên địa bàn huyện và có tác động.

+ Các định hướng phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh, của các huyện lân cận có tác động.

Tiềm năng khai thác quỹ đất xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn.

#### **4.4 Định hướng phát triển không gian vùng lập quy hoạch**

Định hướng quy hoạch không gian vùng huyện tạo lập một không gian kinh tế xanh, bền vững, bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử cách mạng, giá trị thiên nhiên, hiệu quả trong khai thác các tiềm năng thế mạnh của khu vực để phát triển kinh tế - xã hội.

Phân vùng hệ thống đô thị - nông thôn gắn với mục tiêu phát triển của Định Hóa là vùng phát triển nông, lâm nghiệp và sinh thái, là trung tâm dịch vụ du lịch phía Tây Bắc của tỉnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp và làng nghề truyền thống.

Nghiên cứu giải pháp phát triển vùng trên cơ sở bảo vệ và phát huy các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, di tích lịch sử cách mạng ATK, đặc điểm kinh tế, xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, sinh thái vùng.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện sẽ nghiên cứu đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng; các định hướng phát triển không gian vùng huyện gắn kết với các vùng lân cận, phù hợp với định hướng phát triển không gian của tỉnh. Tổ chức hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật kết nối với các vùng huyện và các đô thị lân cận;

Tổ chức không gian phát triển các đô thị và các điểm dân cư nông thôn phù hợp với động lực phát triển, cấu trúc, khung phát triển các hệ thống trung tâm, các khu vực dân cư, đáp ứng yêu cầu về nâng cao điều kiện sống của dân cư trong vùng. Các đô thị cần đảm bảo khả năng phát triển, mở rộng, thỏa mãn các yêu cầu về môi trường, an toàn cho định cư, liên kết thuận lợi với các đô thị khác và với các vùng nông thôn; Hệ thống điểm dân cư nông thôn trong vùng phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, ngành nghề sản xuất, hình thái định cư theo đặc trưng từng vùng miền và đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai;

Xác định vị trí và định hướng tổ chức không gian các khu trung tâm, các vùng kiến trúc cảnh quan có tầm quan trọng; đề xuất tổ chức không gian các khu trung tâm, các điểm dân cư đô thị, nông thôn gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng ATK với hệ thống các tuyến - điểm du lịch để phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Định hướng tổ chức không gian các cụm công nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh và dựa trên tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội; tiết kiệm quỹ đất, ưu tiên sử dụng đất hoang hóa, hạn chế chuyển đổi đất nông nghiệp; không gây ô nhiễm đến các vùng lân cận;

Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ...) và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo mọi người dân trong vùng (dân cư đô thị và nông thôn) đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận.

Đề xuất các vùng bảo vệ di sản, cảnh quan thiên nhiên, các giải pháp tôn tạo hệ thống cảnh quan tự nhiên kết hợp với hệ thống công trình kiến trúc và cảnh quan nhân tạo, đảm bảo gìn giữ được tính toàn vẹn các giá trị đặc trưng của tài nguyên, phát huy được tiềm năng để phát triển kinh tế và thuận lợi trong quản lý, bảo vệ.

Đề xuất các quy định về kiểm soát phát triển không gian cho các khu vực đô thị, nông thôn, các khu vực kiểm soát phát triển và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật (Đối với vùng dọc tuyến đường liên kết vùng, quốc lộ QL 3C,



đường Hồ Chí Minh cần xác định phân vùng theo đoạn tuyến và tổ chức kết nối vùng dọc tuyến).

Đề xuất các giải pháp kiểm soát quản lý theo các mức độ: khu vực ưu tiên cho xây dựng (đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp...), khu vực hạn chế xây dựng (nông, lâm nghiệp, bảo tồn, cảnh quan tự nhiên), khu vực cấm xây dựng (vùng cách ly, an toàn, bảo vệ các di sản, di tích...);

Tập trung huy động các nguồn lực để từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ;

#### **4.5 Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng**

##### **4.5.1 Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội**

Tổ chức không gian hệ thống hạ tầng xã hội: Định hướng mạng lưới về giáo dục, y tế, thương mại (cấp vùng tỉnh, cấp huyện, cấp xã) trong bối cảnh mới gắn kết với các khu vực đô thị trên địa bàn huyện. Trong đó:

Định hướng phát triển mạng lưới thương mại dịch vụ huyện Định Hóa. Xác định vị trí và quy mô các trung tâm thương mại, các chợ đầu mối nông sản, trung tâm bán buôn và bán lẻ các sản phẩm... tại trung tâm huyện, các thị trấn và các xã.

Định hướng các khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; cụm công nghiệp, khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp - làng nghề.

Định hướng phát triển mạng lưới hạ tầng du lịch, y tế, giáo dục, văn hóa - TDTT trên địa bàn huyện theo các đô thị và các điểm dân cư nông thôn đảm bảo đúng quy chuẩn hiện hành.

Xây dựng các chương trình, đề án phát triển du lịch; từng bước phát triển du lịch thành một ngành kinh tế quan trọng của huyện. Tập trung xây dựng ít nhất một loại sản phẩm du lịch bổ trợ cho 03 loại du lịch chủ lực của tỉnh (gồm: Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch tham quan, du lịch tâm linh, du lịch nông nghiệp, trải nghiệm, du lịch văn hóa, du lịch lịch sử về nguồn).

Xác định vùng sản xuất nông nghiệp và đưa ra mô hình nông nghiệp kỹ thuật cao gắn liền với hình thành các vùng, tiểu vùng chuyên canh hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế của từng tiểu vùng, đặc biệt gắn kết với phát triển loại hình du lịch sinh thái.

##### **4.5.2 Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

###### **Giao thông**

Xác định mục tiêu và nguyên tắc phát triển hệ thống giao thông; Khung giao thông chính của huyện Định Hóa đảm bảo kết nối giữa các khu vực trong

huyện và kết nối huyện với các đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh Thái Nguyên và quốc gia.

Cập nhật hiện trạng, các dự án giao thông của tỉnh Thái Nguyên và quốc gia liên quan đến huyện Định Hóa như Đường QL.3C, đường Hồ Chí Minh, Dự án đường giao thông liên kết các tỉnh Thái Nguyên- Bắc Cạn – Tuyên Quang.

Nghiên cứu đề xuất mới các tuyến đường tỉnh và đường huyện phục vụ phát triển không gian vùng huyện Định Hóa như Đường ĐT.264, ĐT.264B, ĐT263D....

Xác định các đầu mối nối thông giao thông quan trọng của huyện như: Bến bãi đỗ xe cấp huyện, nút giao thông.

Nghiên cứu hệ thống giao thông chính các khu vực đô thị, khu vực công nghiệp, các khu du lịch và khu vực trung tâm xã; xem xét yêu cầu bảo vệ và sử dụng các tuyến đường đối ngoại đi qua đô thị và các khu vực dân cư nông thôn.

#### Chuẩn bị kỹ thuật

Đánh giá, xác định các loại đất thuộc phạm vi nghiên cứu theo điều kiện tự nhiên và phân loại thuận lợi, ít thuận lợi hay không thuận lợi cho xây dựng. Từ đó xác định cao độ xây dựng khống chế cho từng khu vực và cao độ các tuyến giao thông đối ngoại và các trục đường chính đô thị theo các tiêu chí đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

Đề xuất các yêu cầu khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn, từ đó xác định khu vực, khối lượng cần tôn nền và hạ nền. Đề xuất các giải pháp thiết kế san nền cho khu vực phát triển đô thị - nông thôn.

Xác định các lưu vực thoát nước mặt chính ra kênh, rạch và hệ thống cống thoát nước mặt chính. Đề xuất các giải pháp phòng tránh các tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Nêu các yêu cầu về giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác... Yêu cầu giải pháp kỹ thuật cho các khu vực giáp ranh giữa phát triển mới và hiện trạng tránh tình trạng ngập úng tại các khu vực xây dựng hiện hữu.

#### Cấp nước

Xác định tiêu chuẩn thiết kế phù hợp với tính chất, quy mô khu vực.

Tính toán nhu cầu theo tiêu chuẩn thiết kế và quy mô dân số của Huyện.

Lựa chọn nguồn nước thô cấp cho các nhà máy nước trên cơ sở khai thác thực tế và theo chủ trương xây dựng của các dự án tại địa phương.

Đề xuất quy mô sử dụng đất và quy mô công suất của các nhà máy nước phục vụ cho Huyện trên cơ sở nhu cầu tính toán theo các giai đoạn phát triển và phân vùng cấp nước,

Mở rộng mạng lưới ống cấp nước cho các khu vực chức năng xây dựng mới nhằm đảm bảo cho việc cấp nước được an toàn, liên tục và hiệu quả nhất.

Đề xuất các giải pháp bảo vệ các nguồn nước, phạm vi bảo vệ nguồn nước và các nhà máy xử lý.

Lập khái toán kinh phí đầu tư và khối lượng xây dựng.

#### Cấp điện

Xác định chỉ tiêu cấp điện đối với các loại phụ tải khu vực các đô thị huyện Định Hóa, các khu vực phát triển mới và các điểm dân cư nông thôn.

Dự báo nhu cầu sử dụng điện trên cơ sở số liệu kinh tế huyện Định Hóa, từ đó từ đó đưa ra các giải pháp về nguồn điện, mạng lưới cấp điện phù hợp với sự phát triển của khu vực.

Cân đối nhu cầu tiêu thụ điện với khả năng cung cấp nguồn các giai đoạn quy hoạch. Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối cấp điện, tổ chức mạng lưới đường dây và các trạm biến áp cho từng giai đoạn quy hoạch khu vực đô thị, nông thôn trên phạm vi huyện Định Hóa.

Sơ bộ xác định khối lượng xây dựng, khái toán đầu tư hệ thống cấp điện.

#### Thông tin liên lạc

Trong tương lai, nhu cầu về thông tin, liên lạc của người dân trong khu vực huyện Định Hóa sẽ ngày càng tăng cao nhất là mạng thông tin di động. Chính vì vậy cần mở rộng dung lượng tổng đài, bố trí hệ thống burocục, điểm văn hoá có phạm vi phục vụ dày hơn, tăng thêm các dịch vụ mới...

#### Viễn thông:

Xác định nguồn cung cấp tín hiệu chính

Dự báo nhu cầu mạng của toàn huyện

#### Chuyển mạch:

Xác định dung lượng cho hệ thống chuyển mạch của toàn huyện, định hướng nâng cấp cấu hình của tổng đài Host và các trạm vệ tinh hiện có, xây dựng bổ sung thêm các trạm vệ tinh để đáp ứng nhu cầu phát triển của huyện.

#### Truyền dẫn:

Nâng cao chất lượng truyền dẫn cáp quang, tiếp tục đầu tư các tuyến cáp quang mới và hoàn thiện những mạch vòng để nâng cao độ tin cậy của mạng, tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ như truyền hình cáp, Internet băng thông rộng, Video phone,....

Mạng ngoại vi:

Tiếp tục xây dựng và phát triển mạng ngoại vi tiêu chuẩn trong giai đoạn tới để đáp ứng được tốc độ phát triển thuê bao cũng như phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Mạng di động:

Đề xuất các nhà mạng tăng cường xây dựng mới, sử dụng chung trạm thu phát sóng để giảm bán kính phục vụ, tăng chất lượng dịch vụ. Đồng thời khuyến nghị các nhà mạng thay thế dần các cột ăng ten công kênh để đảm bảo mỹ quan đô thị.

Bưu chính:

Nâng cao chất lượng phục vụ và mở rộng các dịch vụ sẵn có nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người dân và các cơ quan, doanh nghiệp, ....

Bố trí xây dựng mới hoặc quy hoạch mở rộng các trạm, bưu cục để đảm bảo mạng bưu chính viễn thông khai thác được ổn định và tạo điều kiện cho việc mở rộng mạng lưới, đáp ứng nhu cầu của xã hội về thông tin.

Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

Đánh giá hiện trạng thoát nước mạng lưới thoát nước thải, khái quát tình hình ô nhiễm và diễn biến môi trường nước; Xác định các chỉ tiêu, thông số cơ bản của hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, công nghiệp, tổng lượng nước thải; các nguồn tiếp nhận, khả năng tiếp nhận nước thải; Lựa chọn hệ thống thu gom và xử lý nước thải; Xác định hướng thoát nước, vị trí, kích thước mạng thoát nước, các công trình trạm bơm, trạm xử lý nước thải; yêu cầu về chất lượng nước thải tại các điểm xả.

Quy hoạch xử lý chất thải rắn: Đánh giá hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn; Xác định các chỉ tiêu thải rác, dự báo tổng lượng rác thải; Đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý CTR. Xác định vị trí, quy mô các điểm thu gom, trạm trung chuyển, khu liên hợp, cơ sở xử lý chất thải rắn quy mô cấp vùng.

Nghĩa trang: Đánh giá sự phân bố, quy mô, tình hình hoạt động và sử dụng (nghĩa trang mới, nghĩa trang đang hoạt động, dự kiến đóng cửa, di chuyển, cải tạo...); Dự báo nhu cầu táng, các yêu cầu về quỹ đất sử dụng, lựa chọn hình thức táng; Xác định vị trí, quy mô các nghĩa trang cấp vùng.

#### **4.6 Đánh giá môi trường chiến lược**

Xác định các vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn;

Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường, xác định các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan;

Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của quy hoạch;

Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng;

Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường;

Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### **4.7 Các chương trình, dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện**

Các mục tiêu, quan điểm xác định lĩnh vực ưu tiên đầu tư

Đẩy mạnh các động lực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, phát triển các kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp tăng khả năng thu hút đầu tư.

Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và nhà ở.

Bảo vệ môi trường tự nhiên, hạn chế các tác động xấu của phát triển công nghiệp và dân cư.

Bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và di sản văn hoá truyền thống trên địa bàn huyện.

Các chương trình đầu tư

Trên cơ sở của đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.

Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư cho huyện Định Hóa với sự ưu tiên các dự án nông nghiệp theo hướng sản xuất an toàn, hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển du lịch thành một ngành kinh tế quan trọng của huyện.

Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý CTR, nghĩa trang.

Nguồn lực thực hiện

Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của huyện Định Hóa (khu vực đô thị, nông thôn, các trung tâm chuyên ngành như công nghiệp, du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, ... từ đó xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.

Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn huyện.

#### **4.8 Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện**

Quy định chung: Xác định đối tượng áp dụng, phân công quản lý; Quy định về quy mô diện tích và dân số của đô thị, nông thôn; Quy định về quản lý phát triển không gian tổng thể khu vực đô thị, nông thôn, các khu vực hạn chế phát triển, khu vực không được phép xây dựng; Quy định về quy mô phát triển các trung tâm chuyên ngành (nông nghiệp công nghệ cao, tiểu thủ công nghiệp - làng nghề, du lịch, sinh thái.v.v.); Quy định về quy mô khu vực cần bảo tồn, các khu vực phát triển hạ tầng xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường; Các quy định chủ yếu về kiểm soát phát triển và bảo vệ môi trường đô thị đối với hệ sinh thái tự nhiên (sông, hồ, cây xanh,..), địa hình cảnh quan, nguồn nước, không khí, tiếng ồn. Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện.

Quy định về tổ chức thực hiện: Các quy định về tính pháp lý, kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện (lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết).

### **5. Hồ sơ sản phẩm và kinh phí thực hiện**

#### **5.1 Hồ sơ sản phẩm**

Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch thực hiện theo:

Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2005 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các văn bản pháp quy hiện hành;

Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Bảng 3: Hồ sơ sản phẩm

STT	Ký hiệu	Tên sản phẩm	Tỷ lệ
I		Phần bản vẽ	
1	QH-01	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	1/50.000 1/100.000
2	QH-02A	Sơ đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất	1/25.000
3	QH-02B	Sơ đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường	1/25.000
4	QH-03	Sơ đồ phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng	1/25.000
5	QH-04	Sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng (giao thông; chuẩn bị kỹ thuật; cung cấp năng lượng; viễn thông; cấp nước; quản lý chất thải và nghĩa trang)	1/25.000
6	QH-05	Sơ đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/25.000
II		Phần Văn bản	
1		Thuyết minh (kèm theo các bản vẽ A3)	
2		Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng huyện	
3		Dự thảo Tờ trình, Quyết định, đĩa CD file hồ sơ đồ án	

Sản phẩm gồm 01 bộ hồ sơ màu và 06 bộ hồ sơ đen trắng.

## 5.2 Kinh phí thực hiện:

Kinh phí lập quy hoạch được thực hiện theo Hợp đồng được ký kết giữa Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn

## 6. Tiến độ và tổ chức thực hiện

### 6.1 Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên là 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt hoặc theo yêu cầu của địa phương.

Thời gian trên không kể thời gian chủ đầu tư, các cơ quan thẩm quyền xem xét thẩm định, phê duyệt hoặc các lý do bất khả kháng.

### 6.2 Tổ chức thực hiện

Cơ quan phê duyệt đồ án quy hoạch: UBND tỉnh Thái Nguyên

Cơ quan thẩm định đồ án quy hoạch: Sở Xây dựng Thái Nguyên

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Định Hóa